

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HS-PT

Ngày: 15-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hồng Quang,

Các Thẩm phán: Ông Lê Thiết Hùng,

Ông Đinh Viết Nam.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Đình Vương Vũ - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2020/HS-PT ngày 05 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Hồ Thị A, sinh năm 1977; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Trị.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hồ Thị A (tên gọi khác: C), sinh ngày: 01/01/1977 tại Quảng Trị; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: lớp 0/12; dân tộc: Vân Kiều; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Q và bà H; có chồng là V và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Nguyễn Đức Đ - Luật sư của Công ty luật V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị; vắng mặt, có gửi luận cứ bào chữa cho bị cáo.

Bà Lê Thị Thùy T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người phiên dịch: Ông Trần Văn V; địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 4/2019, Hồ Thị A đã nảy sinh ý định tìm đất rừng để phát làm nương rẫy nên đã đi dọc khu vực rừng tại lô 2, khoảnh 2, Tiểu khu 718B thuộc địa phận xã M, huyện P thuộc lâm phần quản lý của Ủy ban nhân dân xã M, huyện P để chặt phát rừng làm rẫy. Hồ Thị A đã dùng rựa phát cây nhỏ, dây leo, bụi rậm trong 04 ngày liên tiếp. Sau đó 07 ngày tiếp theo, A gọi B (đã chết ngày 14/6/2019), C, D, Đ, E, F, G, H, Y, J, K ở cùng thôn đi làm trả công cho A (do trước đó A đã làm rẫy cho họ nên họ làm trả công lại theo phong tục tại địa phương). Khoảng 01 tuần sau, A nhờ B dùng máy cưa của B cưa hạ toàn bộ cây thân gỗ lớn trên toàn bộ diện tích đất rừng đã phát, với số lượng là 69 cây thân gỗ. Khoảng 02 tuần sau, A dùng bật lửa châm lửa đốt cháy toàn bộ diện tích rừng nói trên.

Ngày 05/7/2019, Ban quản lý các dự án bảo vệ và phát triển rừng khu vực biên giới huyện P có báo cáo số 12/BC-BQL về việc phá rừng trái pháp luật tại tiểu khu 718B thuộc địa phận xã M, huyện P.

Quá trình điều tra đã thu giữ 01 cây rựa, lưỡi bằng kim loại dài 29cm, cán rựa bằng gỗ dài 41cm của A đã dùng để chặt phá rừng. Không thu giữ được máy cưa của B do đã bị hư hỏng và bán phế liệu và 01 bật lửa do hết ga nên đã vứt tại rẫy.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 07/8/2019 xác định diện tích rừng bị hủy hoại là 12.160m²; vị trí khu vực bị xâm hại: theo hệ tọa độ VN 2000, tọa độ tâm khu vực bị xâm hại được xác định như sau: X:574445/Y:18275547.

Kết luận giám định ngày 16/10/2019 và Công văn số 65/TTĐTQH – KHKT ngày 24/6/2020 của Trung tâm điều tra quy hoạch thiết kế nông - lâm Quảng Trị thuộc Sở N về việc giải thích, làm rõ vấn đề liên quan đến trung cầu giám định, kết luận: Khu vực rừng bị xâm hại tại lô 2, khoảnh 2, tiểu khu 718B thuộc xã M, huyện P, tỉnh Quảng Trị. Diện tích rừng bị xâm hại: 12.160m² (1.216 ha). Chức năng của loại rừng: Rừng tự nhiên thuộc đối tượng quy hoạch rừng phòng hộ, hay nói cách khác là một phần của rừng phòng hộ.

Bảng kê chi tiết gỗ, củ lập ngày 07/8/2019 của Hạt kiểm lâm P xác định: Gỗ nhóm VI đến nhóm VII, đường kính gốc chặt từ 16 – 80cm, có số lượng là

69 cây; khối lượng gỗ là 51.414m³; củi có khối lượng là 35 ster tương đương 24.5m³.

Kết luận định giá tài sản số 09/KL - ĐG ngày 12/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Tổng giá trị tài sản thiệt hại của cây gỗ và củi là 90.587.000đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2020/HS-ST ngày 03/7/2020, Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Hồ Thị A phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự: Xử phạt bị cáo Hồ Thị A **03 (ba)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hồ Thị A phải bồi thường cho Nhà nước số tiền 90.587.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 90.000.000 đồng. Vì vậy, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 587.000 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/7/2020, bị cáo kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Ý kiến của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để ở nhà chăm sóc hai con nhỏ bị khuyết tật nặng.

Ý kiến người bào chữa: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, không biết tiếng Việt, nhận thức hạn chế; do đó, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội do lạc hậu” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 02 con nhỏ bị khuyết tật nặng; bị cáo thường xuyên đau ốm; có thỏa thuận trồng lại rừng để khắc phục hậu quả; đã nộp các khoản án phí, bồi thường trách nhiệm dân sự. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về việc đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

L luận cứ của người bào chữa ông Nguyễn Đức Đ: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có đủ điều kiện để hưởng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

cho bị cáo được hưởng án treo được cải tạo tại địa phương để có điều kiện chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào đầu tháng 4/2019, bị cáo Hồ Thị A đi vào khu vực rừng tại lô 2, khoảnh 2, Tiểu khu 718B thuộc địa phận xã M, huyện P dùng rựa chặt phá rừng để lấy đất làm rẫy. Khu vực rừng bị chặt phá là rừng tự nhiên thuộc đối tượng quy hoạch rừng phòng hộ hay nói cách khác là một phần của rừng phòng hộ, diện tích rừng bị chặt phá 12.160m², 69 cây thân gỗ bị đốn hạ với khối lượng gỗ 51.414m³, khối lượng củi 24.5m³, tổng giá trị thiệt hại là 90.587.000 đồng. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội hủy hoại rừng theo điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng của bị cáo, thấy rằng:

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm các tình tiết như sau: Xác nhận của UBND xã M bị cáo là lao động chính và có hai con nhỏ bị khuyết tật nặng; biên bản thỏa thuận về việc trồng phục hồi rừng; phiếu kiểm tra sức khỏe của bị cáo; các biên lai đã nộp tiền bồi thường trách nhiệm dân sự, tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo có chồng đủ sức khỏe chăm sóc các con, việc nộp tiền khắc phục thiệt hại đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thỏa thuận trồng lại 69 cây thân gỗ Sến và Lát Hoa chỉ là thiện chí khắc phục hậu quả của bị cáo. Mặt khác, hiện nay tình trạng chặt phá rừng để lấy đất làm rẫy đang diễn biến phức tạp trên địa bàn huyện P, chính quyền địa phương đề nghị xử lý nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung, do đó cần thiết buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù mới đáp ứng được yêu cầu phòng, chống đối với loại tội phạm này. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội do lạc hậu” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thấy rằng: Bị cáo đã được chính quyền địa phương tuyên truyền về việc cấm chặt phá rừng làm nương rẫy, cộng đồng dân cư nơi bị cáo sinh sống được giao khoán bảo vệ rừng tự nhiên tại khoảnh 1, 2 Tiểu khu 718 và gia đình bị cáo cũng được nhận tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng. Do đó, không có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm tội do lạc hậu, vì vậy không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ nên không chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết bắt bị cáo ngay tại phiên tòa, cần tạo điều kiện để bị cáo thu xếp việc gia đình, tự nguyện thi hành khi có quyết định thi hành án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Thị A và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 243; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Hồ Thị A **03** (*ba*) năm tù về tội “Hủy hoại rừng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Hồ Thị A phải bồi thường cho Nhà nước số tiền 90.587.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ (bồi thường tại giai đoạn sơ thẩm 90.000.000 đồng và tại giai đoạn phúc thẩm 587.000 đồng) theo các biên lai thu tiền số AA/2010/003396 ngày 03/7/2020, số AA/2010/003394 ngày 12/5/2020, số AA/2010/003395 ngày 29/6/2020, số AA/2010/003399 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

4. Về án phí:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm bị cáo đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số AA/2010/003407 ngày 01/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày **15/9/2020**.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an huyện P;
- VKSND huyện P;
- TAND huyện P;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS H. P;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Hồng Quang